

VAI TRÒ CỦA THỰC HÀNH MÔ PHỎNG TRONG NHỊ KHOA ĐẾN SỰ TỰ TIN CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG CHÍNH QUY TRONG THỰC HÀNH KỸ THUẬT TIÊM TĨNH MẠCH CHO TRẺ EM

Nguyễn Thị Minh Chính*, Nguyễn Trường Sơn*,
Nguyễn Thị Thanh Huyền*, Phạm Thị Hoàng Yến*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá sự thay đổi về mức độ tự tin của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy về thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em sau thực hành mô phỏng. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu can thiệp, 214 sinh viên đại học điều dưỡng chính quy khóa 11 đủ đã tham gia trả lời dựa trên bộ câu hỏi. **Kết quả nghiên cứu:** Mức điểm trung bình về thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch theo đánh giá của người học đã tăng đáng kể với mức điểm trung bình chênh lệch sau can thiệp lần 1, lần 2 lần lượt là 0,4 và 0,9 điểm ($t < 0,001$). Mức điểm trung bình về thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch theo đánh giá của giảng viên đã tăng với mức điểm trung bình chênh lệch sau can thiệp lần 2 so với lần 1 là 0,5 điểm ($t < 0,001$). **Kết luận:** Mức độ tự tin của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy về thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em sau thực hành mô phỏng thay đổi đáng kể.

Từ khóa: Tự tin, sinh viên, mô phỏng, tiêm tĩnh mạch.

SUMMARY

THE ROLE OF SIMULATION IN PEDIATRIC NURSING PRACTICE TO SELF-EFFICACY OF FULL-TIME BACHELOR NURSING STUDENT IN THE PRACTICE OF INTRAVENOUS INJECTION SKILLS FOR CHILDREN

Objective: To evaluate the changes in self-efficacy of full-time bachelor nursing students of about the practice of intravenous injection skills for children after simulation practice. **Research objects and methods:** single-arm interventional study, 214 full-time bachelor nursing students of course 11 filled the questionnaire. **Results:** The average score of intravenous injection skills as self-report of participants increased significantly with the mean change score after the first and second intervention with 0.4 and 0.9 points, respectively ($t < 0.001$). The average score on intravenous injection skills as assessed by the lecturers increased with the mean change score after the second intervention compared to the first time by 0.5 points ($t < 0.001$). **Conclusions:** The self-efficacy level of full-time bachelor nursing students about the practice of intravenous injection skills for after

simulation practice changed significantly.

Keywords: self-efficacy, nursing students, simulation, intravenous injection.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỹ thuật tiêm là kỹ thuật phổ biến mà người điều dưỡng phải thực hiện. Việc điều dưỡng thực hiện mũi tiêm an toàn sẽ giúp người bệnh tránh khỏi các biến cố và đem lại hiệu quả cao về kinh tế [1]. Trên thực tế, hầu hết các điều dưỡng viên mới tốt nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện các mũi tiêm tĩnh mạch cho người bệnh, đặc biệt là trẻ nhỏ. Nguyên nhân nhân có thể là do việc thực hành các mũi tiêm này trong một môi trường lâm sàng là rất khó khăn bởi áp lực từ phía người bệnh và gia đình. Những khó khăn không chỉ về mặt kỹ thuật mà các khó khăn tâm lý cũng làm cho điều dưỡng khó có thể thực hiện được các mũi tiêm đó một cách an toàn và hiệu quả. Trong thực tế việc thực hiện mũi tiêm tĩnh mạch cho các trẻ còn khó khăn hơn rất nhiều bởi sự tác động về tâm lý của trẻ, của gia đình trẻ.

Mức độ tự tin, theo Albert Bandura, nhà tâm lý học, người sáng lập lý thuyết nhận thức xã hội và sự tự tin. Bandura (2004) mô tả sự tự tin của sinh viên bị ảnh hưởng bởi mục tiêu việc vượt qua các rào cản tâm lý và mức độ kiên trì của sinh viên. Khi sinh viên có sự tự tin, họ sẽ kiểm soát được các tình huống, giảm các căng thẳng và làm chủ các công việc mà mình định thực hiện [4]. Theo lý thuyết của Bandura bằng việc hỗ trợ tích cực của giảng viên thông qua các hoạt động trong giảng dạy sử dụng môi trường giả lâm sàng, người giảng viên sẽ giúp người học tăng cường mức độ tự tin, giúp họ tin vào bản thân và có sự tự tin để thành công trong việc tiếp xúc cũng như thực hiện các hành động chăm sóc cho người bệnh.

Việc lựa chọn hình thức đào tạo phù hợp để nâng cao sự tự tin cho người học là rất cần thiết. Để tăng cơ hội học tập cho sinh viên, trong những thập kỷ gần đây giảng viên có xu hướng sử dụng phương pháp dạy học dựa trên mô phỏng. Phương pháp giảng dạy mô phỏng là phương pháp liên quan đến những hoạt động phản ánh thực tế của một môi trường lâm sàng. Nó bao gồm các hoạt động như đóng vai,

*Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Minh Chính

Email: nguyenminhchinhdsdh@gmail.com

Ngày nhận bài: 13.6.2022

Ngày phản biện khoa học: 26.7.2022

Ngày duyệt bài: 9.8.2022

và sử dụng băng hình, mô hình tương tác và người nộm để tạo ra môi trường thực hành gần với thực tế lâm sàng. Phương pháp này sẽ cho người học có khả năng bị sai hoặc hỏng mà không ảnh hưởng đến tính mạng người bệnh. Hơn nữa, nó mang lại cho người học cơ hội để thể hiện khả năng của họ trong việc ra quyết định, tư duy phê phán, và các kỹ năng khác. Ngoài ra mô phỏng còn tạo ra một môi trường trong đó người học có thể đạt được nhận thức, tâm lý, và tình cảm của tri thức mà không sợ gây hại cho người bệnh.

Từ năm 2016, trường Đại học điều dưỡng Nam Định đã đưa vào áp dụng phương pháp giảng dạy mới - dạy học dựa trên mô phỏng. Các tình huống thực hành chăm sóc trẻ em được thực hiện trên mô hình trẻ em đa năng. Việc triển khai giảng dạy theo phương pháp này nhằm mục đích nâng cao sự tự tin cho sinh viên từ đó nâng cao việc thực hiện thành công các thủ thuật. Để đánh giá hiệu quả của phương pháp giảng dạy này, chúng tôi tiến hành đề tài: *"Vai trò của thực hành mô phỏng trong nhi khoa đến sự tự tin của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy đến thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh*

mạch cho trẻ em".

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên đại học điều dưỡng chính quy khóa 11 học học phần Chăm sóc Sức khỏe trẻ em tại Trung tâm Thực hành Tiêm lâm sàng trong thời gian từ tháng 12/2017 đến tháng 5/2018.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên bảo lưu, sinh viên nghỉ ốm và sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tổng số có 214 sinh viên đại học điều dưỡng chính quy khóa 11 đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu.

2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian: Từ tháng 12/2017 đến 6/2018

- Địa điểm: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

3. Thiết kế nghiên cứu: Can thiệp có đánh giá trước sau trên 1 nhóm sinh viên

4. Quản lý, xử lý và phân tích số liệu. Số liệu sau khi được làm sạch, nhập và phân tích trên phần mềm SPSS 16.0 Tính các giá trị phần trăm, sử dụng các test thống kê cho các kiểm định thích hợp.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thay đổi mức độ tự tin của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy về thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em sau thực hành mô phỏng

Bảng 1. Tự đánh giá mức độ tự tin của sinh viên sau buổi thực hành mô phỏng 2

Nội dung	Trước MP (M0)	Sau MP 2 (M1)	T - test
Giao tiếp với người bệnh và người nhà	3,4 ± 0,7	3,7 ± 0,6	< 0,001
Thực hiện các liệu pháp tâm lý cho người bệnh và người nhà	3,5 ± 0,7	3,9 ± 0,6	
Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ	3,8 ± 1,3	4,1 ± 1,2	
Thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ	3,4 ± 0,6	3,8 ± 0,5	
Hướng dẫn theo dõi và chăm sóc trẻ sau tiêm	3,6 ± 0,6	3,8 ± 0,5	

Nhận xét: Ở tất cả các nội dung thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em, sinh viên đều cho rằng mức độ tự tin của mình đều tăng sau buổi thực hành mô phỏng 2. Trong đó, nội dung thực hiện các biện pháp tâm lý cho người bệnh/người nhà và thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch tăng cao hơn với mức điểm trung bình chênh sau can thiệp là 0,4 điểm ($t < 0,001$).

Bảng 2. Tự đánh giá mức độ tự tin của sinh viên sau buổi thực hành mô phỏng 6

Nội dung	Trước MP (M0)	Sau MP 6 (M2)	T - test
Giao tiếp với người bệnh và người nhà	3,4 ± 0,7	4,3 ± 0,4	< 0,001
Thực hiện các liệu pháp tâm lý cho người bệnh và người nhà	3,5 ± 0,7	4,4 ± 0,4	
Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ	3,8 ± 1,3	4,4 ± 1,2	
Thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ	3,4 ± 0,6	4,3 ± 0,4	
Hướng dẫn theo dõi và chăm sóc trẻ sau tiêm	3,6 ± 0,6	4,3 ± 0,4	

Nhận xét: Ở tất cả các nội dung thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em, sinh viên đều cho rằng mức độ tự tin của mình đều tăng rõ rệt sau buổi thực hành mô phỏng 6 so với trước khi học thực hành mô phỏng. Trong đó, nội dung giao tiếp với người bệnh/người nhà, thực hiện các biện pháp tâm lý cho người bệnh/người nhà và thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch tăng cao hơn với mức điểm trung bình chênh sau can thiệp là 0,9 điểm ($t < 0,001$).

Bảng 3. Tự đánh giá mức độ tự tin của sinh viên sau buổi thực hành mô phỏng 2 và sau buổi 6

Nội dung	Sau MP 2 (M1)	Sau MP 6 (M2)	T - test
Giao tiếp với người bệnh và người nhà	3,7 ± 0,6	4,3 ± 0,4	< 0,001
Thực hiện các liệu pháp tâm lý cho người bệnh và người nhà	3,9 ± 0,6	4,4 ± 0,4	
Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ	4,1 ± 1,2	4,4 ± 1,2	
Thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ	3,8 ± 0,5	4,3 ± 0,4	
Hướng dẫn theo dõi và chăm sóc trẻ sau tiêm	3,8 ± 0,5	4,3 ± 0,4	

Nhận xét: Ở tất cả các nội dung thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em, sinh viên đều cho rằng mức độ tự tin của mình đều tăng sau buổi thực hành mô phỏng 6 so với buổi thực hành tại buổi số 2. Trong đó, nội dung giao tiếp với người nhà và người bệnh tăng cao nhất với mức điểm trung bình chênh lệch sau can thiệp là 0,6 điểm ($t < 0,001$).

Bảng 4. Giảng viên đánh giá về mức độ tự tin của sinh viên sau buổi thực hành mô phỏng 2 và sau buổi 6

Nội dung	Sau MP 2 (M1)	Sau MP 6 (M2)	T - test
Giao tiếp với người bệnh và người nhà	3,6 ± 0,68	4,1 ± 0,62	< 0,001
Thực hiện các liệu pháp tâm lý cho người bệnh và người nhà	3,6 ± 0,72	4,1 ± 0,65	
Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ	3,4 ± 0,76	4,1 ± 0,67	
Thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ	3,7 ± 0,63	4,0 ± 0,63	
Hướng dẫn theo dõi và chăm sóc trẻ sau tiêm	3,5 ± 0,72	4,1 ± 0,65	

Nhận xét: Ở tất cả các nội dung thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em, giảng viên đều cho rằng mức độ tự tin của sinh viên đều tăng sau buổi thực hành mô phỏng 6 so với buổi thực hành tại buổi số 2. Trong đó, nội dung chuẩn bị phương tiện dụng cụ tăng cao nhất với mức điểm trung bình chênh lệch sau can thiệp là 0,5 điểm ($t < 0,001$).

IV. BÀN LUẬN

1. Thay đổi mức độ tự tin của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy về thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em sau thực hành mô phỏng. Theo Benner, phương pháp giảng dạy hiệu quả nhất đó là dạy học dựa trên tình huống. Phương pháp dạy học dựa trên tình huống giúp cho người học làm quen dần với môi trường lâm sàng và làm quen với việc ra quyết định chăm sóc. Bên cạnh đó việc lặp đi lặp lại các tính huống cũng giúp cho người học trau dồi kiến thức và hình thành khả năng từ người mới học cho đến khi thành thạo. Bằng cách này sinh viên cũng sẽ nhớ cách họ thực hành trong một tình huống này để có thể áp dụng trong một tình huống tương tự và sẽ có thể nhanh chóng nhận ra và đáp ứng với các vấn đề người bệnh cụ thể [5].

Theo kết quả ở bảng 1,2,3 tất cả các nội dung thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em, sinh viên đều cho rằng mức độ tự tin của mình đều tăng sau các buổi thực hành mô phỏng

($t < 0,001$). Kết quả nghiên cứu cho thấy theo quan điểm của sinh viên, sự hài lòng và tự tin của sinh viên qua mô phỏng tăng lên một cách đáng kể với $p < 0,001$. Kết quả này bổ sung cho nghiên cứu của Crouch và cộng sự năm 2009 trên đối tượng sinh viên cử nhân điều dưỡng bắt đầu có khóa học mô phỏng đầu tiên cho rằng có sự khác biệt đáng kể về mức điểm tự tin và hài lòng trước và sau khi mô phỏng [6]. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của McRae (2017) trên đối tượng điều dưỡng cấp cứu ngoại tim mạch cho biết điểm số tự tin của điều dưỡng để thực hiện các kỹ năng tăng lên đáng kể sau mô phỏng (từ -0,50 đến 1,78) [8].

Theo quan điểm của sinh viên qua kết quả nghiên cứu định tính, sự hài lòng và tự tin của sinh viên với học tập mô phỏng thể hiện ở việc học tập với mô phỏng cung cấp đa dạng các dụng cụ và trang thiết bị giúp sinh viên có cơ hội thực hành (87% đồng ý), Trong phòng mô phỏng có đầy đủ các trang thiết bị máy móc phục vụ cho chăm sóc người bệnh để sinh viên có thể thực hành (72%), các máy móc rất hiện đại (68%), đa dạng các dụng cụ để sinh viên thực hành các kỹ năng chăm sóc (66%). Bên cạnh đó, sinh viên cũng cho biết sự hài lòng với học tập mô phỏng ở việc giảng viên hỗ trợ và đưa ra thông tin phản hồi kịp thời giúp sinh viên phát triển kiến thức (80%) khi thực hành với mô phỏng, Định hướng trước mô phỏng giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về tình huống người

bệnh cần chăm sóc (79% đồng ý); Thảo luận sau mô phỏng giúp sinh viên phân biệt được những can thiệp phù hợp trên người bệnh đã được thực hiện (72%), rút ra bài học đặc biệt là từ những can thiệp sai của bản thân hoặc của bạn mình trong tình huống mô phỏng để tránh mắc phải trong chăm sóc người bệnh thật tại môi trường lâm sàng (70%).

Tuy nhiên, mức độ tự tin của sinh viên qua lần đầu thực hành tại trung tâm mô phỏng có tăng lên song còn chưa thay đổi nhiều. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với lý luận của Benner bởi vì đây là lần đầu tiên sinh viên được làm quen với một phương pháp dạy học hoàn toàn mới, một môi trường mô phỏng như trên thực tế lâm sàng mà sinh viên sẽ gặp phải sau này [5]. Nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng các sinh viên cho rằng phương pháp này đã tạo ra sự lo lắng cho họ lúc đầu, nhưng sau đó các sinh viên cũng cho rằng đã có một trải nghiệm mới sau khi hoàn thành kịch bản. Các sinh viên cũng cho rằng họ hiểu nội dung buổi học hơn khi nó được trình bày trong kịch bản mô phỏng tình huống (trái với bài giảng truyền thống). Tuy nhiên, điểm số của sinh viên tăng lên một cách rõ rệt sau các buổi thực hành mô phỏng lần sau. Sự thay đổi này hoàn toàn phù hợp với học thuyết của Benner, sinh viên điều dưỡng khởi đầu là một người mới học, chưa thành thục về các kỹ thuật chăm sóc, còn lo lắng, thiếu tự tin trong các quyết định lâm sàng của mình, còn phải dựa trên những quy tắc, quy định và hướng dẫn của giảng viên. Sau 03 tuần làm quen và trải nghiệm với phương pháp dạy học dựa trên tình huống trong đào tạo mô phỏng. Sinh viên đã quen với các tình huống, đã dần hình thành khả năng qua kinh nghiệm thực hiện các thủ thuật và bắt đầu tự tin, linh hoạt hơn trong suy nghĩ. Họ không còn cảm thấy lo lắng và tự tin hơn trong cách tiếp cận tình huống và cách xử trí của mình. Sinh viên đã bắt đầu thành thục các kỹ thuật chăm sóc.

Bên cạnh đó, sinh viên cũng đưa ra một số điểm cần cải thiện khi thực hiện mô phỏng rằng phần thảo luận sau mô phỏng nhiều khi tẻ nhạt, chỉ mình giảng viên phản hồi một chiều mà không có sự tương tác với sinh viên dẫn đến việc sinh viên thụ động trong học tập, Bên cạnh đó, nội dung quá trình thảo luận không diễn ra theo một tư duy logic nên sinh viên gặp khó khăn trong việc hệ thống những vấn đề học được sau mô phỏng. Thảo luận sau mô phỏng là một hoạt động quan trọng trong phương pháp đào tạo theo mô phỏng, tuy nhiên, thực hành thảo luận sau mô phỏng hiện nay ít được biết đến bởi

không có bất cứ học thuyết riêng nào dành cho vấn đề này. Đây cũng là một rào cản gặp phải ở hầu hết các trung tâm mô phỏng điều dưỡng không chỉ ở Việt Nam mà cả ở các nước tiên tiến.

Việc thay đổi mức độ tự tin của sinh viên trong việc thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch còn được khẳng định qua đánh giá của giảng viên. Kết quả của bảng 4 chỉ ra rằng, ở tất cả các nội dung thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em, giảng viên đều cho rằng mức độ tự tin của sinh viên đều tăng sau buổi thực hành mô phỏng 6 so với buổi thực hành tại buổi số 2. Trong đó, nội dung chuẩn bị phương tiện dụng cụ tăng cao nhất với mức điểm trung bình chênh sau can thiệp là 0,5 điểm ($t < 0,001$). Kết quả này cũng hoàn toàn phù hợp với lý luận trong học thuyết của Benner, để hỗ trợ người học từ lúc chỉ có kỹ năng thô sơ ban đầu đến khi thành thục được coi như chuyên gia trong lĩnh vực thực hành đó không thể thiếu vai trò của người thầy, người hướng dẫn. Do vậy sau các lần thực hành mô phỏng với sự hướng dẫn hỗ trợ của giảng viên mức độ tự tin của sinh viên cũng tăng lên đáng kể.

V. KẾT LUẬN

Mức độ tự tin của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy về thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em sau thực hành mô phỏng thay đổi đáng kể:

- Mức điểm trung bình về thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch theo đánh giá của người học đã tăng đáng kể với mức điểm trung bình chênh sau can thiệp lần 1, lần 2 lần lượt là 0,4 và 0,9 điểm ($t < 0,001$).

- Mức điểm trung bình về thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch theo đánh giá của giảng viên đã tăng với mức điểm trung bình chênh sau can thiệp lần 2 so với lần 1 là 0,5 điểm ($t < 0,001$).

KHUYẾN NGHỊ

Phương pháp thực hành mô phỏng nên được áp dụng tại các cơ sở đào tạo thực hành y khoa nói chung và điều dưỡng nói riêng.

Cần có thêm các khóa học, tập huấn chuyên sâu về các kỹ năng thảo luận sau mô phỏng để giúp giảng viên tăng cường thêm kiến thức và kỹ năng định hướng thảo luận sau buổi học để từ đó giúp nâng cao hơn nữa hiệu quả của giảng dạy mô phỏng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ y tế (2012)**, Hướng dẫn tiêm an toàn cho các cơ sở khám bệnh và chữa bệnh
2. **Alfaro-Lefevre, R (2004)**, Critical thinking and clinical judgment: A practical approach. St. Louis MO, Elsevier.

3. **American Association of Colleges of Nursing (AACN) (2008).** The essentials of baccalaureate education for professional nursing practice. Retrieved from <http://www.aacn.nche.edu/Education/pdf/BaccEssentials08.pdf> (19 Kasim 2013).
4. **Bandura A (1994),** Self-efficacy. Encyclopedia of psychology, 3, 368 – 369. – 9
5. **Benner, P. (1984),** From novice to expert: Excellence and power in clinical nursing practice. Menlo Park, CA. Addison-Wesley.
6. **Crouch L. (2009).** Undergraduate nursing students' perceptions of the simulation design, learning, satisfaction, self -concept, and collaboration in high -fidelity human patient simulation. International Journal of Nursing Education Scholarship, 5(1), 1-16.
7. **Dillon, P., Kaplan, L., & Noble, K. (2009),** Simulation as a means to foster collaborative interdisciplinary education. Nursing Education Perspectives, 30(3), 87-91.
8. **McRae M. E., Chan A., Ai J. (2017).** The effectiveness of and satisfaction with high-fidelity simulation to teach cardiac surgical resuscitation skills to nurses. 5(1), 64-69.

KẾT QUẢ ĐÁP ỨNG VÀ PHÂN TÍCH MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TRÊN BỆNH NHÂN UNG THƯ PHỔI BIỂU MÔ VÂY GIAI ĐOẠN MUỘN ĐIỀU TRỊ BƯỚC MỘT PHÁC ĐỒ PACLITAXEL/CARBOPLATIN TẠI BỆNH VIỆN K

Đỗ Hùng Kiên¹, Nguyễn Văn Tài¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá đáp ứng điều trị và phân tích một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân ung thư phổi biểu mô vảy giai đoạn muộn điều trị hoá chất phác đồ paclitaxel carboplatin tại bệnh viện K từ 01/2017 đến 05/2022. **Phương pháp nghiên cứu:** Hồi cứu kết hợp tiến cứu 65 bệnh nhân ung thư ung thư phổi biểu mô vảy giai đoạn muộn được chẩn đoán và điều trị phác đồ paclitaxel/carboplatin tại Bệnh viện K từ 01/2017 đến 05/2022. **Kết quả:** Nghiên cứu 65 bệnh nhân ung thư phổi biểu mô vảy giai đoạn muộn được điều trị hoá chất bước một phác đồ paclitaxel/carboplatin cho thấy tỷ lệ đáp ứng đạt 38,5%; tỷ lệ kiểm soát bệnh 66,2%; tỷ lệ bệnh tiến triển 33,8%. Đa phần các bệnh nhân cải thiện triệu chứng cơ năng trong quá trình điều trị (chiếm 47,7%). Bệnh nhân toàn trạng ECOG 0 điểm có tỷ lệ đáp ứng cao hơn so với nhóm ECOG 1 điểm, khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p=0,002$. **Kết luận:** Bệnh nhân ung thư phổi biểu mô vảy giai đoạn muộn điều trị phác đồ paclitaxel/carboplatin bước một có tỷ lệ đáp ứng 38,5%, tỷ lệ kiểm soát bệnh 66,2%. Bệnh nhân có thể trạng tốt có tỷ lệ đáp ứng cao hơn.

Từ khóa: Ung thư phổi biểu mô vảy, giai đoạn muộn, paclitaxel/carboplatin, Bệnh viện K.

SUMMARY

RESPONSE RESULTS AND ANALYZING THE RELATED FACTORS OF FIRST-LINE PACLITAXEL/CARBOPLATIN CHEMOTHERAPY FOR THE TREATMENT OF

ADVANCED/ METASTATIC SQUAMOUS CELL LUNG CANCER PATIENTS AT NATIONAL CANCER HOSPITAL

Objective: Assessing the response results and analyzing the related factors of paclitaxel/carboplatin chemotherapy for the treatment of advanced/metastatic squamous cell lung cancer patients at National Cancer Hospital from 01/2017 to 05/2022. **Patients and method:** Retrospective and prospective analysis of 65 patients with advanced/metastatic squamous cell lung carcinoma were diagnosed and treated with paclitaxel/carboplatin regimen at National Cancer Hospital from 01/2017 to 05/2022. **Results:** During the treatment of first-line paclitaxel/carboplatin chemotherapy of 65 advanced/metastatic squamous cell lung cancer patients, the response rate was 38.5%; the control disease rate was 66.2%, progressive rate was 33.8%. Most of patients had improved the clinical symptoms during the treatment (accounting for 47.7%). Patients with ECOG 0 had higher response rates than one with ECOG 1, there was a significant difference with $p=0,002$. **Conclusion:** The overall response rate of first-line paclitaxel/carboplatin chemotherapy for the treatment of advanced/metastatic squamous cell lung cancer was 38.5%, the control rate was 66.2%. Patients with good performance status had higher response rate.

Keywords: Squamous cell lung cancer, advanced/metastatic stage, paclitaxel/carboplatin, National Cancer Hospital.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư phổi (UTP) là một loại ung thư thường gặp nhất và là nguyên nhân gây tử vong hàng đầu do ung thư ở phạm vi toàn cầu. Theo GLOBOCAN 2020, tại Việt Nam, ung thư phổi đứng hàng thứ 2 chỉ sau ung thư gan với tỷ lệ mắc mới chiếm 15,4% tổng số ung thư nhưng tỉ

*Bệnh viện K

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Hùng Kiên

Email: kiencc@gmail.com

Ngày nhận bài: 14.6.2022

Ngày phản biện khoa học: 26.7.2022

Ngày duyệt bài: 9.8.2022